

Bản án số: 278/2024/DS-ST
Ngày: 14/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thành.
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 361/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: số A P, phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phòng M, Tầng N, Tòa nhà số O S, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024).

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Kim Bội N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: số E N, Phường G, Quận P, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) (gọi tắt là: Công ty Tài chính MA) cùng bản khai trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

- Ngày 18/7/2022 bà Nguyễn Kim Bội N (gọi tắt là bà N) đã ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 với Công ty Tài chính MA để vay số tiền 31.980.000 (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Lãi suất 3,67%/tháng (từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20); 0%/tháng (từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ thanh toán thứ 24). Ngoài ra, hợp đồng còn quy định về tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả. 24 kỳ trả góp bắt đầu từ kỳ 1 vào ngày 10/8/2022 đến ngày 10/7/2024. Bà N đã thanh toán được tổng số tiền 6.121.785 (sáu triệu, một trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng (bao gồm: tiền gốc 3.294.643 đồng, lãi trong hạn: 2.791.142 đồng, phí: 36.000 đồng). Bà N đã chậm thanh toán cho Công ty Tài chính MA 21 kỳ trả góp của đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 với số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là 58.363.843 (năm mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi ba) đồng (trong đó bao gồm: tiền nợ gốc 28.685.357 đồng, tiền lãi trong hạn 11.995.858 đồng, tiền lãi quá hạn 16.206.378 đồng, lãi chậm trả 1.476.250 đồng).

Dù Công ty Tài chính MA đã nhiều lần liên lạc và gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính MA theo hợp đồng.

Nay Công ty Tài chính MA yêu cầu bà N trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 ngày 18/7/2022 được tính tiếp theo từ ngày 15/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra Công ty Tài chính MA không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Nguyên đơn Công ty Tài chính MA xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn bà N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính MA bà Nguyễn Phước Quỳnh G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng..

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính MA là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) khởi kiện bà Nguyễn Kim Bội N để đòi số nợ vốn, lãi còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và bà N có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận P, nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) khởi kiện bà N, nên tư cách tham gia tố tụng là nguyên đơn và bà N bên bị kiện tư cách tham gia tố tụng là bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) ủy quyền cho Công ty Luật TNHH Một thành viên T; Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024 của Công ty Luật TNHH Một thành viên T ủy quyền cho bà Nguyễn Phước Quỳnh G đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) có bà Nguyễn Phước Quỳnh G đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn bà N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam):

Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 ngày 18/7/2022 do Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) và bà N ký kết với nhau, cùng với chứng từ giao dịch chuyển tiền, các bảng kê chi tiết thanh toán do nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) cung cấp thể hiện bị đơn bà N có thực hiện các giao dịch với nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) và đến nay bà N còn nợ nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) số nợ tổng cộng là 58.363.843 (năm mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi ba) đồng (trong đó bao gồm: tiền nợ gốc 28.685.357 đồng, tiền lãi trong hạn 11.995.858 đồng, tiền lãi quá hạn 16.206.378 đồng, lãi chậm trả 1.476.250 đồng).

Nay nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà N trả ngay số nợ trên. Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đã nêu trên cho thấy nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) đã nhắc nợ, nhưng bị đơn bà N cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Khi nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) đã khởi kiện vụ án tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà N vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng nếu có của bị đơn bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) cung cấp để làm cơ sở xét xử vụ án.

Nay nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà N thanh toán số nợ còn thiếu như nêu trên vì bị đơn bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mà đôi bên đã thỏa thuận với nhau trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 ngày 18/7/2022 do Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) và bà N ký kết với nhau, nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam). Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) buộc bị đơn bà N phải thanh toán số nợ

như nêu trên cho phía nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) được Tòa án chấp nhận buộc bị đơn bà N phải thanh toán nợ, nên bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam);

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N trả cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) số tiền nợ vốn lãi tổng cộng là: 58.363.843 (*năm mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi ba*) đồng (trong đó bao gồm: tiền nợ gốc 28.685.357 đồng, tiền lãi trong hạn 11.995.858 đồng, tiền lãi quá hạn 16.206.378 đồng, lãi chậm trả 1.476.250 đồng). Cùng tiền lãi phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3405764 ngày 18/7/2022 được tính tiếp theo từ ngày 15/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N chịu 2.918.192 (*hai triệu, chín trăm mười tám nghìn, một trăm chín mươi hai*) đồng. Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một

thành viên MA (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí 986.584 (*chín trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bốn*) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0035622 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam) và bị đơn bà Nguyễn Kim Bội N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chinh